

Kiến thức bản địa của người Thái trong canh tác nương rẫy ở vùng ven thành phố Sơn La

Nguyễn Thị Hồng Viên*

Bộ môn Khoa học Môi trường, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Nhận ngày 12 tháng 3 năm 2009

Tóm tắt. Người Thái ở ven thành phố Sơn La đã tạo lập được hệ sinh thái nhân văn của mình khá hoàn hảo. Hệ canh tác nương rẫy đóng vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày của họ. Với tất cả các loại nương, người Thái thực hiện một loạt các biện pháp kỹ thuật truyền thống liên hoàn: chọn đất, phá rừng, đốt, dọn xới đất, không cuốc lật, trồng tía, chăm sóc, thu hoạch. Người Thái chỉ luân canh cây trồng trong vòng 3 năm. Hệ canh tác nương rẫy truyền thống của người Thái đã thể hiện nhiều mặt tích cực trong quản lý, bảo vệ đất.

1. Giới thiệu chung về người Thái vùng ven thành phố Sơn La

TP Sơn La nằm trong vùng kinh tế động lực, được xác định là hạt nhân phát triển kinh tế của tỉnh Sơn La, cách Hà Nội khoảng 320km về phía Tây Bắc theo trục quốc lộ 6. Có tọa độ địa lý $21^{\circ}15' - 21^{\circ}31'$ vĩ độ Bắc, $103^{\circ}45' - 104^{\circ}00'$ kinh độ Đông với tổng diện tích tự nhiên 32.384ha, TP Sơn La là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế của cả tỉnh, có hệ thống giao thông đường bộ khá thuận lợi cho giao lưu, thông thương hàng hóa, trao đổi thông tin kỹ thuật, tiếp thu các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến và khả năng thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

Người Thái Sơn La thuộc nhóm ngữ hệ Nam – Thái, sớm có chữ viết theo mẫu tự Ấn Độ, trực tiếp bắt nguồn từ chữ Khome cổ. Cư trú thành từng cụm tập trung gọi là *bản*, cho

đến năm 1954, cộng đồng người Thái đã tạo lập được hệ sinh thái nhân văn của mình khá hoàn hảo. Toàn bộ đất tự nhiên của bản, nương theo truyền thống được chia thành 6 phần: 1) Sông suối cung cấp nước sinh hoạt, nguồn tạo *mương phai, lái, lín* (hệ thống thủy lợi của người Thái), nguồn cung cấp thủy sản, nơi trú ngụ của thần chủ nước (*chầu nặm*); 2) Các khu rừng thiêng (*đông cãm*) của bản, trung tâm nương, được quy định là nơi cúng tế thần chủ đất và nước, tuyệt đối không được chặt phá, đốt; 3) Các khu rừng săn (*don húa*) - nơi bản nương tổ chức săn gióng (săn tập thể) - cấm đốt, phá để thú rừng lui tới kiếm ăn, bắt mồi; 4) Rừng lấy cây (*pá téng au mạy*) dành cho việc khai thác nguyên vật liệu xây dựng; 5) Rừng măng cãm (*pá nó hãm*) dành cho việc hái măng, rau, mở ngày hội hái lượm theo định kỳ; 6) Đất nương (*đin hay*) dành cho các gia đình thành viên bản nương làm nương rẫy [1-3].

Kiến thức bản địa là lời giải cho nhiều bài toán phát triển cộng đồng và đang được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý môi trường chú ý,

*ĐT: 84-280-3746981.

E-mail: binhminhmua169@gmail.com

tuy nhiên hoạt động nghiên cứu kiến thức bản địa ở Việt Nam còn rất hạn chế. Văn hóa Thái ở Tây Bắc Việt Nam nói chung và TP Sơn La nói riêng đã được nghiên cứu nhiều, nhưng kiến thức bản địa của người Thái trong canh tác đất dốc ven đô thị chưa được quan tâm ghi chép, tư liệu hóa rõ ràng, cụ thể. Hệ kiến thức bản địa của người Thái trong canh tác đất dốc có nhiều yếu tố hướng tới bảo vệ, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên đang dần bị mai một trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Bài báo tập trung thu thập những kinh nghiệm truyền thống của người Thái trong canh tác nương rẫy ở vùng ven TP Sơn La theo phương pháp của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam [4] và Warren, M.D [5].

2. Kiến thức bản địa của người Thái trong sử dụng bền vững đất dốc ven TP Sơn La

Hệ canh tác nương rẫy đóng vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày của người Thái

Bảng 1. Lịch canh tác nương của người Thái ven TP Sơn La

Tháng (dương lịch)	Tháng (âm lịch)	Tháng (lịch Thái)	Công việc
1-2	1	7	Phát nương, gieo ngô sớm
3	2	8	Đốt nương, gieo ngô sớm
4	3	9	Làm cỏ nương ngô sớm, tra lúa nương
5	4	10	Làm cỏ, chăm sóc cây trồng trên nương
6	5	11	Làm cỏ nương ngô, nương sắn
7	6	12	Làm cỏ lúa nương
8	7	1	Chăm sóc, làm cỏ nương, thu ngô trên nương
9	8	2	Thu hoạch lúa nương

Với tất cả các loại nương, người Thái thực hiện một loạt các biện pháp kỹ thuật truyền thống liên hoàn: chọn đất, phá rừng, đốt, dọn xới đất, không cuốc lật, trồng tía, chăm sóc, thu hoạch. Công cụ lao động đơn giản, bao gồm cuốc bươm, gậy chọc lỗ, dao, rìu, liềm, nhíp, nèo... Trong đó, dao nổi lên như một công cụ vạn năng, có thể thay thế các công cụ khác trong chu trình làm nương.

Người Thái nhận thức được nhiều loại đất khác nhau dựa vào chi thị thực vật, màu sắc, độ

nói riêng và cộng đồng các dân tộc khác nói chung, đặc biệt Sơn La là một tỉnh miền núi có địa hình chia cắt mạnh, tại TP Sơn La thế đất dốc dưới 25° chiếm tỷ lệ thấp (25%). Nương rẫy đã bổ sung nguồn lúa gạo và tăng chủng loại cây trồng thực phẩm, làm cho nền nông nghiệp của người Thái phá được thế độc canh cây lúa (trong canh tác lúa nước) chuyển sang đa canh nhiều chủng loại cây trồng.

Theo lối làm ăn của người Thái xưa có thể có những loại nương chuyên canh hoặc xen canh như: 1) Nương lúa trồng xen vừng, lạc, dưa bở, bầu bí, khoai sọ; 2) Nương ngô trồng xen đậu nhe, bí, bầu; 3) Nương kê trồng xen vừng, lúa mạch và dành khoảng 1/3 trồng lạc; 4) Nương bông trồng xen dưa; 5) Nương chàm có hai loại mang tên *chăm* và *hòm*; 6) Nương trồng sắn xen cây ngô gói vụ (bảng 1).

ẩm của đất... Theo thông tin thu thập từ 100 hộ được phỏng vấn tại 5 xã Chiềng An, Chiềng Cọ, Chiềng Ngần, Chiềng Cơi, Chiềng Đen – ven rìa TP Sơn La: kinh nghiệm truyền thống của người Thái trong chọn địa điểm làm nương là chọn các khu vực rừng tốt, cây to, cỏ mọc dày, đất không quá dốc đứng. Một số hộ chọn đất làm nương theo tiêu chí: phía trên khoảnh đất chọn làm nương có rừng nhiều cây, tốt nhất là cây to, phía trên dốc đứng, để mưa chảy trôi đất ở trên xuống nương, giúp nương thêm màu mỡ.

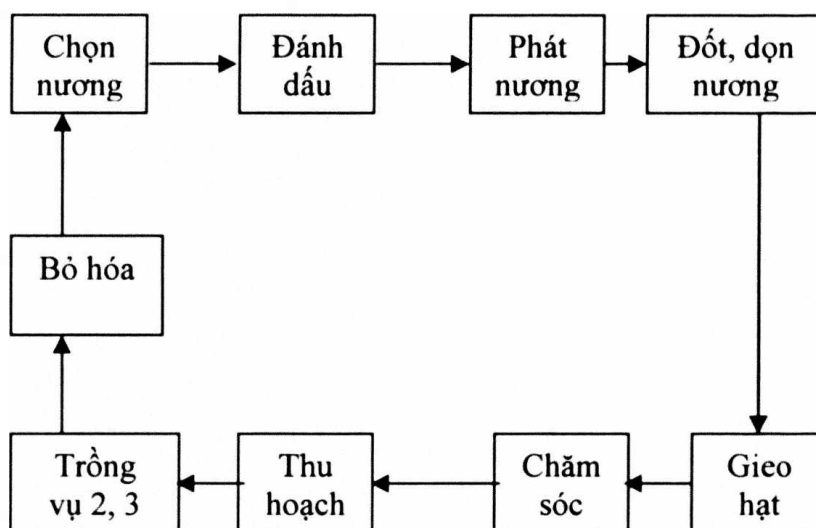
Tránh khoảnh đất có nhiều cỏ gianh, cỏ chó đẻ, vì đây là các khoảnh đất xấu, “trông không được ăn”. Một số hộ khác cho biết kinh nghiệm chọn nương phụ thuộc vào đất, nếu đất có nhiều cát, sỏi thì không chọn, chọn loại đất có màu đen, “đất nhiều thịt”, không chọn vùng núi đá. Người chọn địa điểm làm nương thường là đàn ông. Như vậy, tiêu chí chung khi chọn đất làm nương là: Mặt đất tương đối bằng phẳng, có nhiều cây, đặc biệt cây to, đất màu đen, ít có cát sỏi, tránh vùng núi đá.



Hình 1. Chăm sóc sắn.



Hình 2. Thu hoạch ngô.



Hình 3. Chu trình sử dụng đất nương của người Thái.

Thời điểm bắt đầu phát nương bắt đầu vào khoảng tháng 2 dương lịch (tháng 7 lịch Thái). Nương được ủ trong khoảng 1 tháng cho cây khô (ủ nương – *bóm chá*). Sau khi ủ, vào tháng 3 dương lịch (tháng 8 lịch Thái), trời khô, nóng, người dân bắt đầu đốt cây cỏ và dọn nương. Người Thái có kinh nghiệm chống cháy lan ra xung quanh bằng cách tạo vành đai không có cây cỏ xung quanh mảnh nương (*quẹn hay*). Sau khi đốt, tro than được rải đều khắp nương. Đến tháng 4, tháng 5 dương lịch, bắt đầu vào mùa mưa ở Tây Bắc, người Thái bắt đầu mùa gieo hạt. 90% số hộ được phỏng vấn cho biết bắt đầu gieo hạt vào cuối tháng 4 (dương lịch). Kỹ thuật gieo hạt là chọc lỗ, tra hạt. Nam giới đi trước chọc lỗ, phụ nữ đi sau tra hạt, lấp đất. Thông tin thu thập được qua điều tra giải thích nguyên nhân của cách làm này như sau: Đây là cách làm chống lãng phí, tránh chim, sóc ăn hạt, tiết kiệm lao động, không phải mất công tỉa bớt cây con đi, vừa để đảm bảo cây đủ khoảng cách xa nhau để sinh trưởng. Thông thường, mật độ chọc lỗ, tra hạt là 25 – 30 lỗ/m², mỗi lỗ 5 - 6 hạt. Cây được “trồng theo hàng ngang” (trồng theo đường đồng mức theo ngôn ngữ hiện nay), có tập trung thành băng ngang, có vai trò như đường băng cản nước, chống xói mòn khi mưa xuống. Khi cây cao khoảng 20cm, các hộ gia đình bắt đầu làm cỏ, cuốc xới nhẹ. Trong điều kiện canh tác trên thế đất dốc như vậy, đây là biện pháp hữu hiệu đảm bảo đất không bị trôi khi có mưa lớn. Tùy theo nương mà tiến hành làm cỏ 2 – 3 lần. Người Thái cho rằng làm cỏ vào lúc trời nắng thì cây cỏ bị tiêu diệt triệt để, đất chóng khô, thoáng khí, khi mưa xuống, cây trồng sinh trưởng tốt hơn. Họ không sử dụng phân bón hoặc thuốc trừ dịch bệnh trong quá trình canh tác nương rẫy. Để tránh muông thú phá hoại, người Thái làm hàng rào theo hai cách: rào sà (*hạ san*) chắc khỏe đối với nương dốc, rào có đòn tay (*hạ hao*) với nương bằng.

Công cụ thu hoạch lúa, ngô, hoa màu trên nương của người Thái là dao, nhíp, liềm, nèo, bằng tay và các công cụ rất đơn giản như một ống tre nhỏ bằng đầu ngón tay, chặt chéo một đầu tạo độ nhọn... Với tất cả các cây trồng trên

nương, việc thu hoạch chỉ tập trung vào các sản phẩm chính: hạt lúa, bắp ngô, quả đậu, bí, bầu... Các phần phụ còn lại để lại nương, bao gồm tất cả rơm, rạ, thân, rễ, lá, thậm chí bẹ ngô cũng được bóc để lại nương. Một phần do nương xa nhà, đường khó đi. Ngoài ra, còn một nguyên nhân quan trọng hơn lý giải điều này: người Thái để lại các sản phẩm phụ lại để bảo vệ đất, “để đất không bị trôi đi”. Kinh nghiệm truyền thống cho thấy, làm như vậy đất sẽ được bảo vệ tốt hơn, qua mùa sau đất không bị kém so với đất không được che phủ. Đây là một cách giữ gìn đất khá hiệu quả của người Thái trong điều kiện canh tác nương rẫy trên đất dốc, phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết, tự nhiên.

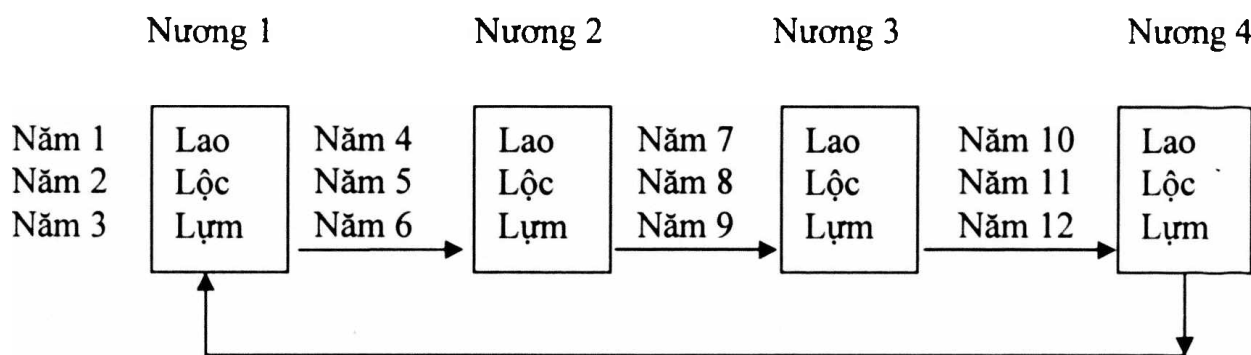
Trong quá trình canh tác nương rẫy, người Thái có nhiều cách xen canh, luân canh. Mục tiêu là không lãng phí đất, tăng các sản phẩm thu được, và tận dụng đất (đất xấu không trồng được lúa thì không bỏ đi mà trồng ngô, sắn...).

Người Thái luân canh cây trồng theo hướng: lúa, ngô, sắn, bông. Nghĩa là đất trồng lúa bao giờ cũng là loại đất tốt nhất. Khoảnh nương mới phát đốt, đất còn tốt được ưu tiên trồng lúa vào vụ đầu tiên (vụ 1 - *lao*). Một số được trồng ngô nếu đất kém hơn. Sau đó, khi chất lượng đất đã giảm, do mưa xói mòn, do đất không được bổ sung thêm các chất dinh dưỡng..., nương được chuyển sang trồng ngô, sắn, bông, chàm... Họ cho rằng, các hoạt động đào bới tăng đất do thu hoạch sắn làm đất thoáng khí, cỏ dại sẽ ít hơn. Trong quá trình canh tác, nếu cây trồng chính mọc quá thưa, không đều, các loại cây khác sẽ được trồng xen vào những chỗ trống. Người Thái đặc biệt đã biết chú ý đến đặc tính sinh trưởng của cây trồng để chọn cây xen canh thích hợp. Cây lúa, cây ngô khi lớn sẽ vươn cao được trồng xen dưa, bầu, bí, đậu sồng bò ngang mặt đất... Xen canh đảm bảo đất được che phủ kỹ hơn, giảm xói mòn đất do mưa, lũ, đồng thời có thể cải tạo đất, tạo thêm nguồn thức ăn cho người, gia súc trong mùa khô.

Theo truyền thống, người Thái chỉ luân canh cây trồng trong vòng 3 năm, được gọi tên

thành 3 vụ: *lao, lộc, lùm*. Sau 3 năm, hoặc 4 đến 5 năm, đất nương được bỏ hóa để tự phục hồi. Các khoảnh nương này đã được công nhận là có chủ nên không ai trong bản, mừng tranh sử dụng khi đến thời gian canh tác lại, dù chưa

canh tác. Thời gian bỏ hóa thấp nhất là 3 năm, cao nhất là 15 năm. Từ đó có thể thấy, một gia đình nông dân Thái chỉ cần 4 khoảnh nương luân chuyển đã khép kín trong chu kỳ 12 năm.



Hình 4. Chu kỳ sử dụng và bỏ hóa nương của người Thái theo truyền thống.

Đánh giá những ưu điểm của phương thức canh tác nương rẫy của người Thái ở vùng ven TP Sơn La: Kết quả phân tích tài liệu và điều tra, khảo sát thực tế cho thấy, hệ canh tác nương rẫy của người Thái đã thể hiện nhiều mặt tích cực trong quản lý, bảo vệ đất. Xem xét trên cơ sở hồi cố quá khứ, các hệ canh tác này hoàn toàn phù hợp với điều kiện môi trường, kinh tế xã hội của cộng đồng vào thời điểm đó. Với quan điểm đề cao quyền sở hữu cộng đồng, các nguồn tài nguyên rừng, đất, nước đã được quản lý, bảo vệ hợp lý và sử dụng khá bền vững:

Đối với tài nguyên rừng: cách làm nương không phát đốt trên đỉnh vừa có tác dụng duy trì cho nương rẫy “một chiếc mũ” che mưa nắng, vừa giữ được rừng ở những điểm trọng yếu. Việc duy trì, khai thác các khu rừng thiêng, các khu rừng cộng đồng, rừng ma... đã đảm bảo cho không gian sống của cộng đồng luôn được che phủ với độ che phủ an toàn.

Đối với tài nguyên nước, tài nguyên đất: khi còn canh tác nương rẫy theo phương thức truyền thống, xói mòn, rửa trôi ở mức độ thấp hơn và đất chậm bị thoái hóa hơn. Sau thời gian

bỏ hóa, chất lượng đất được phục hồi khá tốt, có thể canh tác cho năng suất ổn định gần như khi mới phát đốt. Luân canh, xen canh cũng là cách sử dụng đất hợp lý. Trong điều kiện địa phương, đó là biện pháp bảo vệ, cải tạo đất hiệu quả. Dưới sự che chắn của rừng, đất và nước cũng được bảo vệ. Dễ nhận thấy nhất là đất luôn được bổ sung chất dinh dưỡng từ lá cây, từ các loài động vật rừng, ít bị xói mòn, rửa trôi, khả năng phục hồi nhanh.

Quá trình đô thị hóa TP Sơn La đã lấy đi một phần không nhỏ đất nông nghiệp đang canh tác, một bộ phận dân cư không làm nông nghiệp nữa sẽ để mất dần những kinh nghiệm sản xuất. Sự thay đổi xã hội và gia đình đã làm gián đoạn việc truyền thụ, tiếp nhận và lưu giữ kiến thức bản địa từ thế hệ này sang thế hệ khác trong cộng đồng. Nhiều kiến thức truyền thống đã mai một trong quá trình hội nhập với xu thế phát triển chung. Nhiều người bên ngoài cộng đồng coi kỹ thuật truyền thống là lạc hậu, văn hóa tộc người mang tính mê muội..... Đây là những nguyên nhân dẫn đến kiến thức bản địa trong canh tác nương rẫy của người Thái đã mai một nhiều từ năm 1954 trở lại đây.

Kết luận

Kết quả phân tích, đánh giá vai trò của hệ kiến thức bản địa của người Thái trong canh tác nương rẫy ở vùng ven TP Sơn La, các đặc trưng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và hiện trạng môi trường địa phương cho thấy:

+ Văn hóa Thái được nghiên cứu rất nhiều, nhưng kiến thức bản địa của người Thái trong canh tác nương rẫy chưa được quan tâm ghi chép, tư liệu hóa rõ ràng, cụ thể.

+ Đề bảo tồn các nguồn tài nguyên, bảo vệ, duy trì kiến thức bản địa cần có sự kết hợp giữa khoa học hiện đại và kỹ thuật truyền thống trên cơ sở khung pháp lý hợp lý, lồng ghép kiến thức bản địa vào các chương trình phát triển cộng đồng. Cần có kế hoạch phát hiện, tổng

hợp và bảo tồn nguồn kiến thức bản địa quý giá này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vi Trọng Liên, *Vài nét về người Thái ở Sơn La*, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2002.
- [2] Cầm Trọng, *Một số vấn đề về nương rẫy Thái*, Nhà xuất bản Dân tộc học, Hà Nội, 1975.
- [3] Cầm Trọng, *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005
- [4] Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu sinh thái và môi trường rừng, *Phương pháp thu thập và sử dụng kiến thức bản địa*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội, 2001.
- [5] M.D. Warren, *Using Indigenuos Knowledge in Agriculture Development*, The World Bank, Washington, D.C., 1993.

Thai traditonal knowledge of milpa cultivaton in Son La city environs

Nguyen Thi Hong Vien

Department of Environmental Science, College of Science, Thai Nguyen University

Thai communities bounded to Son La City has established their own relatively perfect human-culture ecosystem. Milpa cultivation system plays an important role in Thai's daily life. They implement a series of traditional technological methods for all types of milpa, including: land selection, deforestation, firing, turning land up, no land hoe, cultivation, taking care and harvest. Thai people only perform crop rotation in 3 years. The milpa cultivation system of Thai people has many positive features in land management and protection.

Keywords: Thai community, Son La city, milpa cultiuvation, land selection, land firing, harvest.